INGENASA

INGEZIM PPA Compac

R.11.PPA.K3

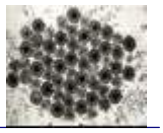

INGEZIM PPA COMPAC là một kỹ thuật dựa blocking ELISA, nó sử dụng kháng thể đơn dòng đặc hiệu (MAb) với protein VP72 của vi rút African Swine Fever (ASFV).

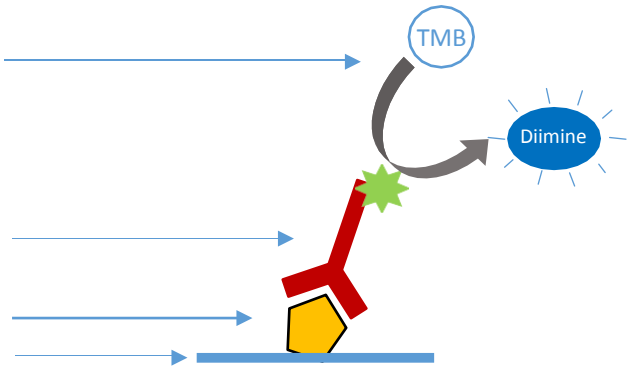

CƠ SỞ KỸ THUẬT CỦA KIT

1. Đĩa được phủ với kháng nguyên của ASFV bất hoạt (protein VP72). Mẫu huyết thanh được thêm vào và ủ.
2. Nếu mẫu chứa kháng thể đặc hiệu với ASFV, chúng sẽ bám vào kháng nguyên
3. Khi MAb-PO đặc hiệu với VP72 được thêm vào, chỉ khi không có kháng thể trong mẫu gắn với kháng nguyên (động vật âm tính), nó sẽ bám vào protein. Trong trường hợp mẫu chứa kháng thể gắn kết với kháng nguyên (động vật nhiễm bệnh), phức hợp sẽ không bám vào protein. Sự bám được phát hiện bởi phản ứng màu khi thêm cơ chất.

ỨNG DỤNG

Phát hiện kháng thể đặc hiệu với African Swine Fever Virus trong mẫu huyết thanh lợn

GIẢI THÍCH KẾT QUẢ

Hai giá trị chuẩn (cut off) được dùng để giải thích cho kết quả. Mẫu được cho là dương tính nếu giá trị OD của chúng bằng hoặc thấp hơn ngưỡng dương tính. Mẫu được xem là âm tính nếu giá trị OD của chúng bằng hoặc cao hơn ngưỡng âm tính. Mẫu có giá trị OD nằm giữa 2 giá trị cut off chưa xác định được.

CHẨN ĐOÁN ĐỘ NHẠY

208 mẫu huyết thanh từ các nước Đông Phi và Tây Phi và từ những ổ dịch cũ ở Tây Ban Nha được phân tích. Những mẫu huyết thanh này đã được phân loại bằng the OIE Reference Indirect ELISA với kết quả dương tính. Kết quả chỉ ra độ nhạy đạt 99% so với kỹ thuật OIE.

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY

Các mẫu từ những con lợn lây nhiễm với các chủng ASFV được phân lập khác nhau được phân tích. Các chủng phân lập sử dụng cho các thí nghiệm lây nhiễm là: E70/E75 p72 genotype I (Spain); p72 genotype I (Sardinia); Ken05.Tk1 p72 genotype X (Kenya); p72 genotype IX (Kenya); p72 genotype II (Armenia); Malaui 83, genotype VIII and Rep. Dominicana 78, genotype I.

Kết quả chỉ ra rằng thử nghiệm có thể phát hiện kháng thể đặc hiệu của tất cả các chủng phân lập. Kháng thể được phát hiện trong 10 - 25 ngày lây nhiễm, phụ thuộc và chủng phân lập được sử dụng.

CHẨN ĐOÁN ĐỘ ĐẶC HIỆU

1. Kiểm tra mẫu huyết thanh từ các vùng đặc hữu Châu Phi
   167 mẫu huyết thanh lợn châu Phi từ vùng đặc hữu nhiễm ASFV được phân tích. Những mẫu huyết thanh này đã được phân loại bằng OIE reference Indirect ELISA. Kết quả cho thấy tính đặc hiệu đạt 100%
2. Kiểm tra mẫu huyết thanh từ vùng không nhiễm ASFV
   1043 mẫu huyết thanh từ vùng không nhiễm ASFV được phân tích. Những mẫu huyết thanh này đã được phân loại âm tính bằng OIE reference Indirect ELISA. Kết quả cho thấy tính đặc hiệu đạt 100%.
3. Kiểm tra những mẫu huyết thanh có vấn đề
   Một bộ với 23 mẫu kết quả âm tính bởi phương pháp Immunoblotting và chưa xác định được kết quả bằng phương pháp ELISA gián tiếp được phân tích. Kết quả thu được bằng phương pháp INGEZIM PPA COMPAC tương thích 100% với phương pháp Immunoblotting

THÀNH PHẦN CỦA KIT

- Đĩa 96 giếng
- Các lọ đối chứng dương
- Các lọ đối chứng âm
- Các lọ chứa phức hợp với Peroxidase
- Chai dung dịch rửa
- Chai pha loãng
- Chai dung dich dừng phản ứng
- Chai cơ chất (TMB) đã sẵn sàng sử dụng

REGISTRATION NUMBER 335 RD

PRODUCT MANUFACTURED BY INGENASA

IT-73840 ISO 14001:2015 ISO 9001:2015
IT-73780 9191.INGE 9175.ING2

18 months
Stored at 2ºC-8ºC

Ed.020217

INMUNOLOGÍA Y GENÉTICA APLICADA, SA – C/ Hermanos García Noblejas, 39 – 28037 MADRID (SPAIN) – Tel (+34) 91 368 0501
www.ingenasa.com